

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị S, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 2, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Điều M, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 2, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Bà S có mặt, ông M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện CT (nay thị xã CT), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khi bà S sinh cháu Điều Khang H thì phát sinh mâu thuẫn do ông M thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình. Bà S nhiều lần tha thứ và hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã

ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống bà S và ông M có 02 con chung là cháu Điều Kh, sinh ngày 02/10/2018 và cháu Điều Khang H, sinh ngày 17/10/2023. Bà S yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2024 bà S yêu cầu ông Điều M cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng/02 con đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ngày 11/3/2024, bà S có đơn rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Điều Minh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Thị S rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Bà S giữ nguyên đòi với các yêu cầu khởi kiện khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị S, bà Thị S được ly hôn với ông Điều M.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Điều Kh, sinh ngày 02/10/2018 và cháu Điều Khang H, sinh ngày 17/10/2023 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị S, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Điều M có nơi cư trú tại tổ 11, ấp 2, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Điều M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị S về việc ly hôn với ông Điều M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Thị S và ông Điều M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CT (nay là thị xã CT), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà S và ông M là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà S thì bà S và ông M đã ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, bà S và ông M không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn gắn kết tình cảm vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của S, cho bà S được ly hôn với ông M.

[2.2] Xét yêu cầu của bà S về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung khi ly hôn., Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình chung sống bà S và ông M có 02 con chung là cháu Điều Kh, sinh ngày 02/10/2018 và cháu Điều Khang H, sinh ngày 17/10/2023.

Xét thấy, từ khi bà S và ông M ly thân, bà S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M, ông M không có ý kiến gì về việc bà S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, yêu cầu của S về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà S rút yêu cầu về việc buộc ông M cấp dưỡng nuôi con. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà S là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thị S phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị S.

1. Về hôn nhân: Bà Thị S được ly hôn với ông Điều M.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là cháu Điều Kh, sinh ngày 02/10/2018 và cháu Điều Khang H, sinh ngày 17/10/2023 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004007 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã Minh Lập-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Thư

